

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11-12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13-42

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 03 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên
Bà Bùi Thị Ngọc	Thành viên
Ông Phạm Sỹ Thạc	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khoái	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc
---------------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Vũ Hồng Nhung	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 02 năm 2017



Số: 239/BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được lập ngày 14 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Ngô Quang Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0448-2014-126-1

Nguyễn Bảo Trung
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0373-2014-126-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.305.348.707.650	1.744.838.330.786
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	254.451.111.627	350.115.550.587
111	1. Tiền		90.746.869.576	151.015.550.587
112	2. Các khoản tương đương tiền		163.704.242.051	199.100.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	17.000.000.000	17.000.000.000
121	0. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	0. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		17.000.000.000	17.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		877.792.117.301	1.109.467.197.309
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	227.299.272.983	216.403.145.556
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	594.890.875.116	823.726.711.780
133	2. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	2. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	59.290.561.594	73.431.223.323
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(3.688.592.392)	(4.093.883.350)
139	4. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	9	126.865.583.767	258.463.169.672
141	1. Hàng tồn kho		126.865.583.767	258.463.169.672
149	1. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		29.239.894.955	9.792.413.218
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	8.891.864.437	432.164.156
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		12.669.871.295	8.775.262.306
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	7.678.159.223	584.986.756
154	3. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	3. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		929.215.075.985	719.676.403.292
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	20.801.325.640
211	0. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	-	-
212	0. Trả trước cho người bán dài hạn	6	-	-
213	0. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	0. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	0. Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	-	21.290.450.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	(489.124.360)
220	II. Tài sản cố định		272.675.170.946	171.237.137.554
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	185.899.729.507	87.295.974.024
222	- Nguyên giá		239.769.888.824	125.049.613.196
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(53.870.159.317)	(37.753.639.172)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

224	1. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	86.775.441.439	83.941.163.530
228	- Nguyên giá		86.820.441.439	83.986.163.530
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(45.000.000)	(45.000.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	60.380.817.701	168.637.354.885
241	0. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		60.380.817.701	168.637.354.885
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	200.547.912.600	238.375.513.760
251	0. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	0. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		295.089.294.645	238.375.513.760
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(94.541.382.045)	-
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		395.611.174.738	120.625.071.453
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	326.753.467.751	11.054.927.711
262	1. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	27.a	-	-
263	1. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	1. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	2. Lợi thế thương mại		68.857.706.987	109.570.143.742
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.234.563.783.635	2.464.514.734.078

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.406.479.109.320	1.688.188.954.006
310	I. Nợ ngắn hạn		1.104.393.874.235	1.599.812.760.926
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	233.053.534.423	201.215.685.257
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.032.192.077	334.677.078.084
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	438.026.795	10.069.992.610
314	4. Phải trả người lao động		823.374.808	744.000.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	348.628.543	990.555.556
316	5. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	5. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	9.285.704.139	14.304.207.456
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	854.806.253.986	1.037.885.749.316
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.606.159.464	(74.507.353)
323	8. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	8. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	II. Nợ dài hạn		302.085.235.085	88.376.193.080
331	0. Phải trả người bán dài hạn	14	-	-
332	0. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	0. Chi phí phải trả dài hạn	b)	-	-
334	0. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	0. Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	0. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	47.500.000	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	302.037.735.085	88.123.720.000
339	2. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	2. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	252.473.080
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		828.084.674.315	776.325.780.072
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	828.084.674.315	776.325.780.072
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		693.299.280.000	639.999.280.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		693.299.280.000	639.999.280.000
411b	Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(3.001.100.000)	(5.666.100.000)
413	2. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	2. Cổ phiếu quỹ		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
417	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	7.727.786.496	-
419	3. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	80.151.676.197	112.113.839.769
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>	68.306.032.587	33.899.680.613
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	11.845.643.610	78.214.159.156
422	4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	49.907.031.622	29.878.760.303
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
431	0. Nguồn kinh phí	-	-
432	0. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.234.563.783.635	2.464.514.734.078



Trịnh Thị Thanh Huyền
Người lập



Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	4.495.722.405.785	3.516.965.227.923
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		452.853.000	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.495.269.552.785	3.516.965.227.923
11	4. Giá vốn hàng bán	21	4.300.198.680.212	3.319.406.785.443
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		195.070.872.573	197.558.442.480
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	46.055.109.985	9.328.650.339
22	7. Chi phí tài chính	23	160.823.420.864	45.035.291.282
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		61.270.498.326	34.458.394.597
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	24	30.070.491.244	54.730.713.684
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	33.541.719.585	13.512.380.684
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.690.350.865	93.608.707.169
31	12. Thu nhập khác		2.472.411.957	8.071.843.223
32	13. Chi phí khác		1.267.844.405	1.158.866.137
40	14. Lợi nhuận khác		1.204.567.552	6.912.977.086
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.894.918.417	100.521.684.255
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	4.586.492.140	22.991.346.219
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	27	(252.473.080)	252.473.080
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		13.560.899.357	77.277.864.956
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		11.826.307.169	78.214.159.156
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		1.734.592.188	(936.294.200)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28		2.002

Trịnh Thị Thanh Huyền
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		17.894.918.417	100.521.684.255
	6. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		16.661.380.818	6.585.885.665
03	- Các khoản dự phòng		93.646.966.727	(460.875.640)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.242.245.517	(348.601.808)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(27.413.296.021)	(4.970.884.208)
06	- Chi phí lãi vay		61.270.498.326	34.458.394.597
08	14 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		163.302.713.784	135.785.602.861
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		307.202.993.817	(278.846.151.355)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		131.597.585.905	(28.681.147.846)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(309.332.391.484)	(240.453.722.537)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(324.002.227.836)	(2.005.353.629)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(62.404.352.352)	(34.855.691.097)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(21.554.165.690)	(28.647.750.763)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	38.522.594.911
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(163.000.000)	(43.070.575.034)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(115.352.843.856)	(482.252.194.489)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(46.138.326.131)	(18.965.652.991)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(2.000.000.000)
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(56.713.780.885)	(125.338.088.862)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		62.921.750.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.668.595.159	3.758.312.296
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(35.261.761.857)	(142.545.429.557)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		55.965.000.000	266.408.900.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		3.017.649.854.436	2.192.365.464.609
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(2.986.815.334.681)	(1.498.707.449.527)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(31.999.964.000)	(16.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		54.799.555.755	944.066.915.082

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(95.815.049.958)	319.269.291.036
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		350.115.550.587	30.497.658.543
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		150.610.998	348.601.008
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	254.451.111.627	350.115.550.587


Trịnh Thị Thanh Huyền
Người lập


Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 02 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2016****1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 03 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 639.999.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 693,299,280,000 đồng; tương đương 69,329,928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm về phân bón và hóa chất. Trong đó, hoạt động xuất khẩu DAP của Công ty chiếm 60% sản lượng xuất khẩu của cả nước, đồng thời, hoạt động nhập khẩu, phân phối Lưu huỳnh, axit Sulfuric của Công ty cũng chiếm 40%-50% thị phần tại Việt Nam. Ngoài ra, Công ty đã mở rộng đầu tư nhà máy sản xuất phân bón NPK với công suất 80.000 tấn/năm và đầu tư hệ thống kho bãi ngoại quan như cảng ICD Đình Vũ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Cấu trúc Công ty

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Quảng Bình Cao Bằng	Phục Hòa, Cao Bằng	98,00%	98,00%	Kinh doanh thương mại các sản phẩm phục vụ nông nghiệp
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa Chất	Hà Nội	36,29%	51,00%	Kinh doanh các sản phẩm phân bón, hóa chất

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Theo nghị quyết số 02-09/2016/NQ-HĐQT ngày 13/09/2016 của Hội đồng Quản trị, Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình thực hiện chuyển nhượng 1.132.500 cổ phiếu (tương ứng 14,71% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa Chất cho 02 nhà đầu tư cá nhân. Tỷ lệ sở hữu của Công ty sau chuyển nhượng là 36,29%. Tháng 11/2016, Công ty đã được 02 nhà đầu tư cá nhân trên ủy quyền đại diện phần vốn của họ tại Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa Chất. Tỷ lệ biểu quyết của Công ty sau ngày ủy quyền là 51%, Công ty tiếp tục chi phối hoạt động của Công ty Cổ phần Vật tư và XNK Hóa chất. Do đó, khoản đầu tư này được trình bày trên khoản mục "Đầu tư vào công ty con" trên báo cáo tài chính riêng và được hợp nhất là công ty con trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con:

- Trường hợp công ty mẹ thoái một phần vốn và vẫn nắm giữ quyền kiểm soát đối với công ty con: Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cho cổ đông không kiểm soát cộng với số lợi thế thương mại được ghi giảm;

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 09 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.772.338.544	7.239.320.273
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	88.974.531.032	143.776.230.314
Các khoản tương đương tiền (*)	163.704.242.051	199.100.000.000
	254.451.111.627	350.115.550.587

(*) Tại ngày 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng, chi tiết như sau:

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng No&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức, số tiền gửi là 104.000.000.000 đồng (Một trăm lẻ tư tỷ đồng chẵn), kỳ hạn gửi 03 tháng với lãi suất cố định là 4%/năm;
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng, số tiền gửi là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn), kỳ hạn gửi 03 tháng với lãi suất cố định là 4,6%/năm, khoản tiền gửi được tự động gia hạn;
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm Hà Nội có kỳ hạn 01 tháng, lãi nhập gốc. Khoản tiền gửi được tự động gia hạn.

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Đầu tư ngắn hạn	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn	17.000.000.000	17.000.000.000
	17.000.000.000	17.000.000.000
	17.000.000.000	17.000.000.000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	295.089.294.645	200.547.912.600 (94.541.382.045)	238.375.513.760	238.375.513.760
	295.089.294.645	200.547.912.600 (94.541.382.045)	238.375.513.760	238.375.513.760
	295.089.294.645	200.547.912.600 (94.541.382.045)	238.375.513.760	238.375.513.760

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	101.294.446	35.094.265.840
Công ty TNHH Hoàng Trung	31.521.655.913	57.094.595.850
Công ty TNHH TM XNK Nhật Thụy	19.749.687.889	21.367.154.849
Công ty Cổ phần DAP2 - Vinachem	30.410.278.881	-
Công ty Sw Intertrade Trading	24.797.359.446	-
Công ty TNHH MTV TM&DV Lưu Tấn Dũng	27.048.120.588	27.048.120.588
Ông Nguyễn Lã Thảo	24.000.000.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	69.670.875.820	75.799.008.429
	227.299.272.983	216.403.145.556
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	227.299.272.983	216.403.145.556
	227.299.272.983	216.403.145.556
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.	101.294.446	35.094.265.840

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Công ty CP Phát triển Phân Bón Đình Vũ	-	-	131.450.779.054	-
Công ty CP XNK Đức Nguyễn	-	-	76.042.998.079	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghiệp Thái Nguyên	168.673.963.097	-	410.420.040.697	-
Công ty Cổ phần DAP2 - Vinachem	40.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư AFC	99.701.750.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Hoàng Đức	40.000.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	246.515.162.019	-	205.812.893.950	-
	594.890.875.116	-	823.726.711.780	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hóa	6.208.371.017	-	713.273.200	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.770.667.422	-	2.735.516.560	-
Phải thu lãi ứng trước tiền hàng cho DAP2 - Vinachem	3.762.650.648	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	69.258.314	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	221.305	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	213.040	-
Tạm ứng	12.413.023.085	-	7.727.546.511	-
Ký cược, ký quỹ	31.075.237.237	-	24.058.386.425	-
Phải thu theo hợp đồng ủy thác xuất, nhập khẩu	2.006.017.341	-	33.584.534.014	-
Phải thu khác	1.054.594.844	-	4.542.273.954	-
	59.290.561.594	-	73.431.223.323	-
b) Dài hạn				
Khoản đầu tư hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-	21.290.450.000	(489.124.360)
	-	-	21.290.450.000	(489.124.360)

8 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Các khoản khác	3.910.970.435	222.378.043	4.636.499.635	542.616.285
	3.910.970.435	222.378.043	4.636.499.635	542.616.285

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.934.087.696	-	9.237.045.922	-
Công cụ, dụng cụ	447.774.691	-	214.639.499	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.793.767.533	-	2.355.919.147	-
Thành phẩm	20.571.236.598	-	16.024.592.652	-
Hàng hoá	76.118.717.249	-	230.630.972.452	-
	<u>126.865.583.767</u>	<u>-</u>	<u>258.463.169.672</u>	<u>-</u>

10 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	60.175.602.399	168.637.354.885
- Dự án Nhà máy sản xuất NPK Thủy Nguyên	205.215.302	36.327.991.881
- Dự án Kho Ngoại quan Lào Cai	-	24.937.500.000
- Dự án Xây dựng kho nội địa 2	-	25.146.000.000
- Dự án xây dựng trụ sở văn phòng	-	82.000.000.000
- Dự án Kho Ngoại quan Đình Vũ	60.175.602.399	-
- Dự án khác	-	225.863.004
	<u>60.380.817.701</u>	<u>168.637.354.885</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

11 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	112.055.497.967	953.983.362	10.374.861.273	1.665.270.594	-	-	125.049.613.196
Mua trong năm	-	823.379.545	18.991.647.300	379.475.864	-	-	20.194.502.709
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	22.959.100.544	60.483.674.379	-	-	-	-	83.442.774.923
Tặng khác	7.245.546.296	2.172.286.071	1.665.165.629	-	-	-	11.082.997.996
Phân loại lại	(3.186.352.041)	3.186.352.041	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	139.073.792.766	67.619.675.398	31.031.674.202	2.044.746.458	-	-	239.769.888.824
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	34.895.023.735	364.806.963	2.007.945.763	485.862.711	-	-	37.753.639.172
Khấu hao trong năm	6.522.011.245	651.202.200	1.942.503.422	271.719.250	-	-	9.387.436.117
Tặng khác	3.858.431.465	1.662.339.469	1.208.313.094	-	-	-	6.729.084.028
Phân loại lại	(230.903.372)	230.903.372	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	45.044.563.073	2.909.252.004	5.158.762.279	757.581.961	-	-	53.870.159.317
Giá trị còn lại	32.208.575.440	2.026.541.191	2.136.981.623	1.179.407.883	-	-	87.295.974.024
Tại ngày đầu năm	77.160.474.232	589.176.399	8.366.915.510	1.179.407.883	-	-	87.295.974.024
Tại ngày cuối năm	94.029.229.693	64.710.423.394	25.872.911.923	1.287.164.497	-	-	185.899.729.507
Trong đó:							
-	Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.048.988.602 đồng.						
-	Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 558.444.360 đồng.						

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	83.941.163.530	45.000.000	83.986.163.530
Mua trong năm	2.834.277.909	-	2.834.277.909
Số dư cuối năm	86.775.441.439	45.000.000	86.820.441.439
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	45.000.000	45.000.000
Số dư cuối năm	-	45.000.000	45.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	83.941.163.530	-	83.941.163.530
Tại ngày cuối năm	86.775.441.439	-	86.775.441.439

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	7.867.712.010	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	265.819.092	432.164.156
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	758.333.335	-
	8.891.864.437	432.164.156
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	314.640.611.052	-
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	1.423.361.624	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.262.202.347	4.160.101.987
Chi phí sửa chữa tài sản	2.478.768.704	3.539.470.872
Giá trị lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	1.039.318.111	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	909.205.913	3.355.354.852
	326.753.467.751	11.054.927.711

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Marubeni	28.996.717.355	28.996.717.355	131.163.382.241	131.163.382.241
Công ty TNHH Hiệp Quang	-	-	23.139.322.014	23.139.322.014
Công ty Cổ phần KCN Đình Vũ	153.361.399.576	153.361.399.576	-	-
Phải trả các đối tượng khác	50.695.417.492	50.695.417.492	46.912.981.002	46.912.981.002
	233.053.534.423	233.053.534.423	201.215.685.257	201.215.685.257
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả ngắn hạn	233.053.534.423	233.053.534.423	201.215.685.257	201.215.685.257
	233.053.534.423	233.053.534.423	201.215.685.257	201.215.685.257

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Giảm khác	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	435.112.369	11.454.024.471	11.457.342.081	435.112.369	91.119.050	332.492.705
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	1.686.764.417	1.719.940.510	-	33.176.093	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	140.356.219	9.541.745.892	4.520.316.798	21.554.165.690	140.356.219	7.553.864.080	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	93.134.349	1.506.767.424	1.505.385.812	82.959.899	-	24.131.062
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	6.891.388.435	6.809.985.407	-	-	81.403.028
Các loại thuế khác	444.630.537	-	-	-	444.630.537	-	-
	584.986.756	10.069.992.610	26.059.261.545	43.046.819.500	1.103.059.024	7.678.159.223	438.026.795

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	348.628.543	915.555.556
- Chi phí phải trả khác	-	75.000.000
	<u>348.628.543</u>	<u>990.555.556</u>

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	82.057.509	20.354.972
- Phải trả về cổ phần hoá	833.000.000	833.000.000
- Tập đoàn hóa chất Việt Nam	4.739.922.009	4.739.922.009
- Phải trả theo hợp đồng ủy thác xuất khẩu	1.628.840.178	7.975.892.905
- Liên danh Trảng Thi	1.483.411.930	186.314.291
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	518.472.513	548.723.279
	<u>9.285.704.139</u>	<u>14.304.207.456</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	47.500.000	-
	<u>47.500.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng...	1.037.258.109.316	1.037.258.109.316	2.659.662.973.257	2.849.789.348.587	847.131.733.986	847.131.733.986
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	478.040.000.000	478.040.000.000	427.362.102.500	652.802.102.500	252.600.000.000	252.600.000.000
- Chi nhánh Thủ Đức ⁽¹⁾						
- Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH ⁽²⁾	-	-	93.034.500.000	37.179.000.000	55.855.500.000	55.855.500.000
- Ngân hàng Maybank Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ⁽³⁾	104.096.556.335	104.096.556.335	456.802.140.000	375.802.696.335	185.096.000.000	185.096.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁴⁾	20.100.000.000	20.100.000.000	432.771.512.660	303.288.012.660	149.583.500.000	149.583.500.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	4.746.527.270	4.746.527.270	441.495.470	5.188.022.740	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽⁵⁾	262.882.335.700	262.882.335.700	941.619.905.718	1.071.696.041.418	132.806.200.000	132.806.200.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	4.810.301.972	4.810.301.972	119.038.468.668	123.848.770.640	-	-
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	13.515.754.947	13.515.754.947	11.365.917.539	24.881.672.486	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	5.495.351.743	5.495.351.743	18.177.845.222	23.673.196.965	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ⁽⁶⁾	24.147.681.349	24.147.681.349	85.642.237.839	98.163.385.202	11.626.533.986	11.626.533.986
- Ngân hàng NN&PT Nông thôn - Chi nhánh Thủ Đức ⁽⁷⁾	117.423.600.000	117.423.600.000	58.000.000.000	117.423.600.000	58.000.000.000	58.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị		Tăng		Giảm	
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn (tiếp)						
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Sở giao dịch	-	-	15.262.847.641	15.262.847.641	-	-
- Vay các cá nhân	2.000.000.000	2.000.000.000	144.000.000	580.000.000	1.564.000.000	1.564.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	627.640.000	627.640.000	7.674.520.000	627.640.000	7.674.520.000	7.674.520.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	374.640.000	374.640.000	374.640.000	374.640.000	374.640.000	374.640.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	7.000.000.000	-	7.000.000.000	7.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế VIB - Chi nhánh Hải Phòng	253.000.000	253.000.000	-	253.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Hà Nội ⁽¹⁾	-	-	299.880.000	-	299.880.000	299.880.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả ...	-	-	-	-	-	-
	1.037.885.749.316	1.037.885.749.316	2.667.337.493.257	2.850.416.988.587	854.806.253.986	854.806.253.986

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn ⁽⁸⁾	80.000.000.000	80.000.000.000	60.000.000.000	-	140.000.000.000	140.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁹⁾	1.123.720.000	1.123.720.000	200.000	374.640.000	749.280.000	749.280.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽¹⁰⁾	-	-	160.363.825.085	-	160.363.825.085	160.363.825.085
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Hà Nội ⁽¹¹⁾	-	-	1.499.400.000	574.770.000	924.630.000	924.630.000
- Nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
	88.123.720.000	88.123.720.000	221.863.425.085	7.949.410.000	302.037.735.085	302.037.735.085

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 1483-LAV-201500558 ngày 14/10/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 495.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015 - 2016;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng được xác định kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 09/10/2016. Thời hạn vay được quy định chi tiết trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay áp dụng theo chính sách của Agribank tại từng thời điểm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 252600000000.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản bảo lãnh của bên thứ 3.
- (2) Hợp đồng tín dụng số BBL-HN/03/2016 ngày 14/06/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 6.000.000 USD;
 - + Mục đích vay: Tài trợ mua nguyên vật liệu và các nhu cầu vốn khác phục vụ sản xuất kinh doanh hóa chất và các sản phẩm phân bón;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn vay từ 04 tháng đến 1 năm, được xác định theo mục đích khoản vay;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được xác định cụ thể theo từng lần nhận nợ và theo mục đích khoản vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 55855500000.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (3) Hợp đồng tín dụng số HN/LO2015/0048 ngày 15/10/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 7.500.000 USD;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn vay được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay bằng USD được xác định bằng chi phí vốn + 2%/năm; lãi suất vay bằng
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 185096000000.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản, bao gồm thế chấp các khoản phải thu với giá trị 4.500.000 USD và đặt cọc khi thực hiện mở LC.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 130741.15.251.831595.TD ngày 15/12/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại phân bón, hóa chất, các nguyên liệu khác phục vụ hoạt động sản xuất phân bón trong 2015, 2016;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn cấp tín dụng đến 31/10/2016;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng theo phương thức thả nổi;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 149583500000.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ các phương án và các tài sản đảm bảo độc lập khác đủ điều kiện thế chấp theo quy định của MB từng thời kỳ.
- (5) Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDHM/NHCT160-QBS ngày 18/01/2016, với các điều khoản sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 400.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được quy định trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 03 tháng đối với khoản nợ kinh doanh thương mại và 06 tháng đối với khoản nợ để sản xuất phân bón;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng/lần;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 0.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hợp đồng được bảo đảm bởi các tài sản theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm mà Công ty hoặc Tổ chức/Cá nhân khác ký kết với ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn: (tiếp)

- (6) Hợp đồng tín dụng số 10.11.16.012 ngày 27/01/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2015-2016 đối với hoạt động thương mại là kinh doanh các mặt hàng phân bón, hóa chất và máy móc thiết bị phục vụ cho ngành hóa chất;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 05 tháng, trả nợ gốc cuối kỳ ngày 26/5/2017; trả lãi vào ngày 25 hàng tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 5.7%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 11626533986.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Công nợ phải thu tương ứng với hợp đồng bán ra theo phụ lục số 11 Hợp đồng 01-2016/HĐKT/VN/TS ngày 05/01/2016 với Công ty Cổ phần ắc quy Tia Sáng, giá trị hợp đồng là: 11.987.893.514 đồng
- (7) Hợp đồng tín dụng số 1483-LAV-201500660 ngày 18/12/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 120 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2015-2016 đối với hoạt động thương mại là kinh doanh các mặt hàng phân bón, hóa chất và máy móc thiết bị phục vụ cho ngành hóa chất;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 04 tháng, trả nợ gốc cuối kỳ ngày 23/4/2017;
 - + Lãi suất cho vay: 5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 58000000000.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Công nợ phải thu tương ứng với hợp đồng bán ra với Công ty CP XNK Quảng Bình: hợp đồng số 22/2016/HĐB/HC-QBF ngày 22/11/2016, giá trị hợp đồng: 30.550.000.000 đồng; hợp đồng số 25/2016/HĐB/HC-QBF ngày 25/11/2016, giá trị hợp đồng: 28.717.000.000 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (8) Khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng số 06/2015/HĐVV/ĐN-QBF ngày 03/06/2015 và Phụ lục hợp đồng số 01/11/2014/HĐVV/ĐN-QBF ngày 20/06/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền vay: 140.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn của khoản vay theo hợp đồng 06/2015/HĐVV/ĐN-QBF sẽ được tất toán tại ngày 31/12/2017; Thời hạn của khoản vay theo Phụ lục hợp đồng số 01/11/2014/HĐVV/ĐN-QBF sẽ được tất toán tại ngày 27/11/2017;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cố định 7,5%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các khoản vay được đảm bảo theo hình tín chấp.
- (9) Hợp đồng tín dụng số 502.14.251.831595.TD ngày 19/12/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 1.873.200.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn mua xe BMW 528i;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời gian vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng khoản tiền gửi với số tiền là 90.000 USD.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn: (tiếp)

- (10) Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDDA/NHCT160-QBS-ICD ngày 18/01/2015, với các điều khoản sau:
- + Hạn mức tín dụng: 231.495.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Các khoản nợ được dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Trung tâm kho bãi tổng hợp Quảng Bình - Đĩnh Vũ;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn cho vay các khoản nợ là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay của khoản nợ được quy định theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hợp đồng được bảo đảm bởi các tài sản theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm mà Công ty hoặc Tổ chức/Cá nhân khác ký kết với ngân hàng.
- (11) Hợp đồng tín dụng số 10.11.15.136.01 ngày 25/01/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 1.499.400.000 đồng;
 - + Mục đích vay: thanh toán cho tiền mua xe ô tô cho Công ty TNHH Toyota Hải Phòng theo Hợp đồng mua xe số 021/HĐKT-2016 ngày 29/12/2015;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 05 năm; trả nợ gốc, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 6,5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1224510000.000 đồng.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	320.000.000.000	-	-	-	97.898.960.613	279.498.849	418.178.459.462	
Tăng vốn trong năm trước	319.999.280.000	-	-	-	-	-	319.999.280.000	
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	78.214.159.156	(936.294.200)	77.277.864.956	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(63.999.280.000)	-	(63.999.280.000)	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	30.535.555.654	
Giảm khác	-	(5.666.100.000)	-	-	-	-	(5.666.100.000)	
Số dư cuối năm trước	639.999.280.000	(5.666.100.000)	-	-	112.113.839.769	29.878.760.303	776.325.780.072	
Số dư đầu năm nay	639.999.280.000	(5.666.100.000)	-	-	112.113.839.769	29.878.760.303	776.325.780.072	
Tăng vốn trong năm nay	53.300.000.000	-	-	-	-	-	53.300.000.000	
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	11.826.307.169	1.734.592.188	13.560.899.357	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	7.727.786.496	(43.591.643.744)	-	(35.863.857.248)	
Tăng khác	-	2.665.000.000	-	-	-	18.293.679.131	20.958.679.131	
Giảm khác	-	-	-	-	(196.826.997)	-	(196.826.997)	
Số dư cuối năm nay	693.299.280.000	(3.001.100.000)	-	7.727.786.496	80.151.676.197	49.907.031.622	828.084.674.315	

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-HĐCĐ ngày 29/04/2016 và số 02/2016/NQ-HĐCĐ ngày 08/10/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		
Trích Quỹ đầu tư phát triển	83,44%	77.277.864.956
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	7.727.786.496
Chi trả cổ tức (bằng 5% vốn điều lệ)	5,00%	3.863.893.248
Lợi nhuận chưa phân phối	41,41%	31.999.964.000
	27,03%	20.886.235.252

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu năm</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Nguyễn Thanh Bình	14,42%	100.000.000.000	15,63%	100.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	13,27%	92.005.790.000	14,38%	92.005.790.000
Ông Daniel Rodney Badger	7,69%	53.300.000.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	64,62%	447.993.490.000	70,00%	447.993.490.000
	<u>100%</u>	<u>693.299.280.000</u>	<u>100%</u>	<u>639.999.280.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693.299.280.000	639.999.280.000
- Vốn góp đầu năm	639.999.280.000	320.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	53.300.000.000	319.999.280.000
- Vốn góp cuối năm	693.299.280.000	639.999.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	31.999.964.000	16.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	31.999.964.000	16.000.000.000

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	63.999.928
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.329.928	63.999.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	63.999.928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	63.999.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	63.999.928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.727.786.496	-
	<u>7.727.786.496</u>	<u>-</u>

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	4.333.111.520.059	3.411.526.445.123
Doanh thu cung cấp dịch vụ	162.610.885.726	105.438.782.800
	<u>4.495.722.405.785</u>	<u>3.516.965.227.923</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.284.977.193.848	3.311.213.864.106
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.221.486.364	8.192.921.337
	4.300.198.680.212	3.319.406.785.443

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.180.496.021	4.970.884.208
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	15.344.843.133	-
Lãi bán các khoản đầu tư	23.274.365.284	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.523.250.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.732.155.547	4.357.766.131
	46.055.109.985	9.328.650.339

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	61.270.498.326	34.458.394.597
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.248.461.156	10.085.802.635
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.242.245.517	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	94.052.257.685	489.124.360
Chi phí tài chính khác	9.958.180	1.969.690
	160.823.420.864	45.035.291.282

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	232.625.499	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	575.689.712	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.330.357.555	51.082.461.254
Chi phí khác bằng tiền	1.931.818.478	3.648.252.430
	30.070.491.244	54.730.713.684

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	452.261.513	-
Chi phí nhân công	8.601.924.017	4.073.641.510
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.406.855.341	2.343.832.544
Thuế, phí, lệ phí	3.615.299.620	-
Hoàn nhập dự phòng	(405.290.958)	(650.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.286.812.230	4.382.156.212
Chi phí khác bằng tiền	15.583.857.822	3.362.750.418
	33.541.719.585	13.512.380.684

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.586.492.140	22.991.346.219
	4.586.492.140	22.991.346.219

27 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	252.473.080
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(252.473.080)	-
	(252.473.080)	252.473.080

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	11.826.307.169	78.214.159.156
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.826.307.169	78.214.159.156
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	64.029.133	39.066.595
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	185	2.002

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.465.051.309	32.121.778.970
Chi phí nhân công	10.538.983.917	5.380.206.461
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.387.436.117	6.585.885.865
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.029.903.401	57.720.270.636
Chi phí khác bằng tiền	15.768.967.481	7.873.065.862
	133.190.342.225	109.681.207.794

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	254.451.111.627	-	350.115.550.587	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	286.589.834.577	(3.688.592.392)	311.124.818.879	(4.583.007.710)
Đầu tư ngắn hạn	17.000.000.000	-	17.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	295.089.294.645	(94.541.382.045)	238.375.513.760	-
	853.130.240.849	(98.229.974.437)	916.615.883.226	(4.583.007.710)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Vay và nợ	1.156.843.989.071	1.126.009.469.316
Phải trả người bán, phải trả khác	242.386.738.562	215.519.892.713
Chi phí phải trả	348.628.543	990.555.556
	1.399.579.356.176	1.342.519.917.585

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	254.451.111.627	-	-	254.451.111.627
Phải thu khách hàng, phải thu khác	282.901.242.185	-	-	282.901.242.185
Đầu tư ngắn hạn	17.000.000.000	-	-	17.000.000.000
Đầu tư dài hạn		200.547.912.600	-	200.547.912.600
	<u>554.352.353.812</u>	<u>200.547.912.600</u>	<u>-</u>	<u>754.900.266.412</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	350.115.550.587	-	-	350.115.550.587
Phải thu khách hàng, phải thu khác	285.740.485.529	20.801.325.640	-	306.541.811.169
Đầu tư ngắn hạn	17.000.000.000	-	-	17.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	238.375.513.760	-	238.375.513.760
	<u>652.856.036.116</u>	<u>259.176.839.400</u>	<u>-</u>	<u>912.032.875.516</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	854.806.253.986	141.673.910.000	160.363.825.085	1.156.843.989.071
Phải trả người bán, phải trả khác	242.339.238.562	47.500.000	-	242.386.738.562
Chi phí phải trả	348.628.543	-	-	348.628.543
	<u>1.097.494.121.091</u>	<u>141.721.410.000</u>	<u>160.363.825.085</u>	<u>1.399.579.356.176</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	1.037.885.749.316	88.123.720.000	-	1.126.009.469.316
Phải trả người bán, phải trả khác	215.519.892.713	-	-	215.519.892.713
Chi phí phải trả	990.555.556	-	-	990.555.556
	<u>1.254.396.197.585</u>	<u>88.123.720.000</u>	<u>-</u>	<u>1.342.519.917.585</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón và hóa chất phục vụ sản xuất phân bón, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả kinh doanh và trong tổng tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và sổ dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 18.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Giao dịch bán hàng		49.291.593.697	253.113.021.810
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	(*)	49.291.593.697	253.113.021.810
Giao dịch mua hàng		-	5.189.068.976
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	(*)	-	5.189.068.976
Cổ tức và lợi nhuận được chia		1.523.250.000	-
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	(*)	1.523.250.000	-

Sổ dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		101.294.446	35.094.265.840
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	(*)	101.294.446	35.094.265.840
Phải trả người bán ngắn hạn		3.566.953.046	2.635.702.200
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	(*)	3.566.953.046	2.635.702.200

(*) Bà Nguyễn Thanh Hương - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.022.743.877	1.431.073.218

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội kiểm toán.



Trịnh Thị Thanh Huyền
Người lập



Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 02 năm 2017